

4. TCVN 5486 - 1991 Gia vị - Xác định chất chiết ete không bay hơi.

5. TCVN 5538 - 1991 Sữa bột - Yêu cầu kỹ thuật.

6. TCVN 5539 - 1991 Sữa đặc có đường - Yêu cầu kỹ thuật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học  
và Công nghệ  
*Thứ trưởng*

**BÙI MẠNH HẢI**

**QUYẾT ĐỊNH số 06/2002/QĐ-BKHCN**  
**ngày 07/11/2002 về việc ban hành**  
**Tiêu chuẩn Việt Nam.**

**BỘ TRƯỞNG BỘ KHOA HỌC**  
**VÀ CÔNG NGHỆ**

*Căn cứ Nghị định số 22/CP ngày 22/5/1993 của Chính phủ về nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Khoa học, Công nghệ và Môi trường (nay là Bộ Khoa học và Công nghệ);*

*Căn cứ Pháp lệnh Chất lượng hàng hóa ngày 24 tháng 12 năm 1999;*

*Theo đề nghị của Tổng cục trưởng Tổng cục Tiêu chuẩn đo lường chất lượng,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành 44 Tiêu chuẩn Việt Nam sau đây:

1. TCVN 7073 : 2002 (ISO 7870 : 1993) Biểu đồ kiểm soát - Giới thiệu và hướng dẫn chung.

2. TCVN 7074 : 2002 (ISO 7966 : 1993) Biểu đồ kiểm soát chấp nhận.

3. TCVN 7075 : 2002 (ISO 7873 : 1993) Biểu đồ kiểm soát trung bình với các giới hạn cảnh báo.

4. TCVN 7076 : 2002 (ISO 8258 : 1991) Biểu đồ kiểm soát Shewhart.

5. TCVN 7077 : 2002 (ISO 1757 : 1996) An toàn bức xạ - Liều kế phim dùng cho cá nhân.

6. TCVN 7078-1 : 2002 (ISO 7503 - 1 : 1988) An toàn bức xạ - Đánh giá nhiễm xạ bề mặt Phần 1: Nguồn phát beta (năng lượng beta cực đại lớn hơn 0,15MeV) và nguồn phát alpha.

7. TCVN 7112 : 2002 (ISO 7243 : 1989) Ecgônômi - Môi trường nóng - Đánh giá stress nhiệt đối với người lao động bằng chỉ số WBGT (nhiệt độ cầu ướt).

8. TCVN 7113-2 : 2002 (ISO 10075-2 : 1996) Ecgônômi - Nguyên lý Ecgônômi liên quan tới gánh nặng tâm thần

Phần 2: Nguyên tắc thiết kế.

9. TCVN 7114 : 2002 (ISO 8995 : 1989) Ecgônômi - Nguyên lý Ecgônômi thị giác - Chiều sáng cho hệ thống làm việc trong nhà.

10. TCVN 7031 : 2002 (ISO 6669 : 1995) Cà phê nhân và cà phê rang - Xác định mật độ khối chảy tự do của hạt nguyên (Phương pháp thông thường).

11. TCVN 7032 : 2002 (ISO 10470 : 1993) Cà phê nhân - Bảng tham chiếu đánh giá khuyết tật.

12. TCVN 7033 : 2002 (ISO 11292 : 1995) Cà phê hòa tan - Xác định hàm lượng cacbonhydrat tự do và tổng số - Phương pháp sắc ký trao đổi ion hiệu năng cao.

13. TCVN 7034 : 2002 (ISO 8460 : 1987) Cà phê hòa tan - Xác định mật độ khối chảy tự do và mật độ khối nén chặt.

14. TCVN 7035 : 2002 (ISO 11294 : 1994) Cà phê bột - Xác định độ ẩm - Phương pháp xác định sự hao hụt khối lượng ở 103°C (Phương pháp thông thường).
15. TCVN 4536 : 2002 (ISO105-A01 : 1994) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần A01: Quy định chung (Soát xét lần 1 - Thay thế TCVN 4536 - 88).
16. TCVN 4537-1 : 2002 (ISO 105-C01 : 1989) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần C01: Độ bền màu với giặt: Phép thử 1 (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4537 - 88).
17. TCVN 4537-2 : 2002 (ISO 105-C02 : 1989) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần C02: Độ bền màu với giặt: Phép thử 2 (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4537 - 88).
18. TCVN 4537-3 : 2002 (ISO 105-C03 : 1989) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần C03: Độ bền màu với giặt: Phép thử 3 (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4537 - 88).
19. TCVN 4537-4 : 2002 (ISO 105-C04 : 1989) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần C04: Độ bền màu với giặt: Phép thử 4 (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4537 - 88).
20. TCVN 4537-5 : 2002 (ISO 105-C05 : 1989) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần C05: Độ bền màu với giặt: Phép thử 5 (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4537 - 88).
21. TCVN 5232 : 2002 (ISO105-D01 : 1993) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần D01: Độ bền màu với giặt khô (Soát xét lần 1 - Thay thế TCVN 5232 - 90).
22. TCVN 5074 : 2002 (ISO 105-E01 : 1994) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần E01: Độ bền màu với nước (Soát xét lần 1 - Thay thế TCVN 5074 - 90).
23. TCVN 5235 : 2002 (ISO 105-E04 : 1994) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần E04: Độ bền màu với mồ hôi (Soát xét lần 1 - Thay thế TCVN 5235 - 90).
24. TCVN 4538 : 2002 (ISO 105-X12 : 1993) Vật liệu dệt - Phương pháp xác định độ bền màu Phần X12: Độ bền màu với ma sát (Soát xét lần 2 - Thay thế TCVN 4538 - 94).
25. TCVN 7115 : 2002 (ISO 2419 : 1972) Da - Điều hòa mẫu thử để xác định tính chất cơ lý.
26. TCVN 7116 : 2002 (ISO 2588 : 1985) Da - Lấy mẫu - Số các mẫu đơn cho một mẫu tổng.
27. TCVN 7117 : 2002 (ISO 2418 : 1972) Da - Mẫu phòng thí nghiệm - Vị trí và nhận dạng.
28. TCVN 7118 : 2002 (ISO 2589 : 1972) Da - Xác định tính chất cơ lý - Đo độ dày.
29. TCVN 7119 : 2002 (ISO 2420 : 1972) Da - Xác định tỷ trọng biểu kiến.
30. TCVN 7120 : 2002 (ISO 2417 : 1972) Da - Xác định độ hấp thụ nước.
31. TCVN 7121 : 2002 (ISO 3376 : 1976) Da - Xác định độ bền kéo đứt và độ giãn dài.
32. TCVN 7122 : 2002 (ISO 3377 : 1975) Da - Xác định độ bền xé.
33. TCVN 7123 : 2002 (ISO 3378 : 1975) Da - Xác định độ bền rạn nứt da cật và chỉ số rạn nứt.
34. TCVN 7124 : 2002 (ISO 3379 : 1976) Da - Xác định độ phòng và độ bền của da cật - Thử nổ bi.
35. TCVN 7125 : 2002 (ISO 3380 : 1975) Da - Xác định nhiệt độ co.
36. TCVN 7126 : 2002 (ISO 4044 : 1977) Da - Chuẩn bị mẫu thử hóa.
37. TCVN 7127 : 2002 (ISO 4045 : 1977) Da - Xác định độ pH.
38. TCVN 7128 : 2002 (ISO 4047 : 1977) Da - Xác định tro sunphat hóa tổng và tro sunphat hóa không hòa tan trong nước.

39. TCVN 7129 : 2002 (ISO 4048 : 1977) Đa - Xác định chất hòa tan trong diclometan.

40. TCVN 7130 : 2002 (ISO 11640 : 1993) Đa - Phương pháp xác định độ bền mẫu - Độ bền mẫu với các chu kỳ chà xát qua lại.

41. TCVN 7131 : 2002 Đất sét - Phương pháp phân tích hóa học.

42. TCVN 7132 : 2002 Gạch gốm ốp lát - Định nghĩa, phân loại, đặc tính kỹ thuật và ghi nhãn.

43. TCVN 7133 : 2002 Gạch gốm ốp lát, nhóm BII<sub>g</sub> (6% < E ≤ 10%) - Yêu cầu kỹ thuật.

44. TCVN 7134 : 2002 Gạch gốm ốp lát, nhóm BIII (E > 10%) - Yêu cầu kỹ thuật.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

KT. Bộ trưởng Bộ Khoa học  
và Công nghệ  
*Thủ trưởng*

**BÙI MẠNH HẢI**

**THÔNG TƯ số 07/2002/TT-BKHCN ngày 15/11/2002 hướng dẫn triển khai Quyết định số 72/2002/QĐ-TTg ngày 10/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thống nhất dùng Bộ mã các ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909 : 2001 trong trao đổi thông tin điện tử giữa các tổ chức của Đảng và Nhà nước.**

*Căn cứ Quyết định số 72/2002/QĐ-TTg ngày 10/6/2002 của Thủ tướng Chính phủ về việc thống nhất dùng Bộ mã các ký tự chữ Việt theo tiêu chuẩn TCVN 6909 : 2001 (Bộ mã TCVN*

*6909 : 2001) trong trao đổi thông tin điện tử giữa các tổ chức của Đảng và Nhà nước (sau đây gọi tắt là Quyết định số 72/2002/QĐ-TTg);*

*Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn triển khai việc thực hiện Quyết định nói trên tại các tổ chức của Đảng và các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương việc chuyển đổi như sau:*

### Chương I

#### NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

#### I. NHỮNG ỨNG DỤNG SAU ĐÂY BẮT BUỘC CHUYỂN ĐỔI SANG BỘ MÃ TCVN 6909 : 2001

1. Các ứng dụng tin học hóa văn phòng.
2. Các trao đổi thông tin chữ Việt trên các mạng máy tính, kể cả mạng Internet, Intranet của các tổ chức Đảng và Nhà nước.
3. Các giao dịch, dịch vụ sử dụng thông tin điện tử của các tổ chức Đảng và Nhà nước với nhân dân có sử dụng máy tính một cách trực tuyến hoặc không trực tuyến.
4. Các trang web thông tin chữ Việt.

#### II. CHUYỂN ĐỔI CÁC HỒ SƠ LƯU TRỮ ĐIỆN TỬ VÀ CÁC CƠ SỞ DỮ LIỆU

Việc chuyển đổi các hồ sơ lưu trữ điện tử và các cơ sở dữ liệu đã lưu trữ theo các bộ mã khác với Bộ mã TCVN 6909 : 2001 của các tổ chức Đảng và Nhà nước sẽ được thực hiện từng bước sang Bộ mã TCVN 6909 : 2001 tùy theo tính cấp bách, quy mô và phạm vi phục vụ, nhu cầu của từng tổ chức. Phần lớn các hồ sơ lưu trữ điện tử không cần chuyển ngay sang Bộ mã TCVN 6909 :